

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures of examiners)

Môn học : [22833602] - Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) (CCQ2215B)
CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041)

Số SV có mặt: 20...
Số bài thi: 20...
Số tờ giấy thi: 20...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150002	Trương Thanh	Bình	07/10/2003	CCQ2215A		Bình	6,9	6,7	6,8
2	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C		Cường	7,2	7,3	7,2
3	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật	Đăng	09/08/2004	CCQ2215A		Đăng	7,0	7,3	7,2
4	2122150027	Lữ Phan Thành	Đạt	12/02/2004	CCQ2215A		Đạt	8,0	8,3	8,2
5	2122150032	Vi Tuấn	Hùng	21/03/2004	CCQ2215A		Hùng	8,0	7,0	7,4
6	2122150011	Lê Quốc	Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A		Mạnh	7,4	7,0	7,2
7	2122170583	Huỳnh Thái	Nhã	30/06/2004	CCQ2215B		Huỳnh	8,4	9,0	8,8
8	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B		Quân	6,3	6,7	6,5
9	2122150017	Trần Khánh	Quốc	27/10/2004	CCQ2215B		Quốc	7,3	7,5	7,4
10	2122150007	Nguyễn Minh	Tâm	27/10/2004	CCQ2215B		Tâm	7,3	7,5	7,4
11	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài	Tân	11/06/2004	CCQ2215B		Tân	8,3	8,5	8,4
12	2122150035	Huỳnh Văn	Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B		Thịnh	7,3	7,5	7,4
13	2122150025	Phan Ngọc	Thông	21/03/2004	CCQ2215B		Thông	8,2	8,5	8,4
14	2122150006	Nguyễn Thành	Tính	20/04/2004	CCQ2215B		Tính	8,4	9,0	8,8
15	2122150019	Nguyễn Minh	Trí	01/11/2003	CCQ2215B		Trí	6,9	6,7	6,8
16	2122150042	Đặng Công	Trình	26/04/2004	CCQ2215B		Trình	7,9	7,3	7,5
17	2122150031	Nguyễn Minh	Trực	17/02/2004	CCQ2215B		Trực	8,4	8,5	8,5
18	2122150030	Hồ Quang	Trung	28/10/2004	CCQ2215B		Trung	7,0	7,3	7,2
19	2122150014	Nguyễn Văn	Truyền	25/10/2004	CCQ2215B		Truyền	6,4	6,7	6,6
20	2122150096	Tô Tuấn	Việt	14/10/2004	CCQ2215B		Việt	8,3	8,5	8,4

